

Bản án số: 99/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 25 – 9 - 2017

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lựu.
- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Bùi Tuấn Khanh;
2. Ông Huỳnh Khắc Đoàn Cương.

- **Thư ký phiên Tòa:** Ông Phạm Quốc Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:**

Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2017/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** **Lê Thị H N**, sinh năm 1991. (Có mặt)

Địa chỉ: 106, HHG, ấp TH, thị trấn CD, huyện CD, thành phố CT.

2. **Bị đơn:** **Nguyễn T L**, sinh năm 1986. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp PH, xã PT, huyện BD, tỉnh BT.

Anh L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề 24 tháng 9 năm 2017.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2017, biên bản hòa giải ngày 13/9/2017 và những lời trình bày tiếp theo, nguyên đơn Lê Thị H N trình bày:*

Chị và anh L cưới nhau vào năm 2011 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 11/2016 vào ngày 28/03/2016 tại Ủy ban nhân dân xã PT, BD. Quá trình chung sống có hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L có người phụ nữ khác,

hỗn hào với cha mẹ chị và đánh đập chị và không chí thú làm ăn, không phụ chị chăm sóc và nuôi dưỡng con cái. Chị và anh L đã ly thân từ tháng 6 năm 2017 cho đến nay. Nay xét thấy vợ chồng không thể hàn gắn lại được, tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên chị yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Lê TK, sinh ngày 21/10/2013 và Nguyễn Lê DM, sinh ngày 27/12/2016. Hiện con chung đang sống với chị. Khi ly hôn chị xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Tại biên bản hòa giải ngày 13/9/2017 bị đơn anh Nguyễn Thành L trình bày:*

Anh và chị N cưới nhau vào năm 2011 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống cho đến hôm nay vẫn bình thường, vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn, nay qua yêu cầu ly hôn của chị N anh không đồng ý vì anh vẫn còn thương chị N, không muốn con cái sống thiếu tình thương của cha mẹ

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Lê TK, sinh ngày 21/10/2013 và Nguyễn Lê DM, sinh ngày 27/12/2016. Hiện con chung đang sống với hai vợ chồng. Nếu ly hôn anh yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định.

Về thu thập chứng cứ: Theo đúng quy định của pháp luật.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: Có đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật.

Những người tham gia tố tụng chấp hành tốt, có thực hiện theo nội quy phiên Tòa.

Tuy Nên việc gửi thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và tổng đạt thông báo thụ lý cho đương sự là trễ hạn vi phạm Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy Nên đây chỉ là vi phạm nhỏ không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên đề nghị khắc phục trong thời gian tới.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Huỳnh N đối với anh Nguyễn Thành L

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Lê TK, sinh ngày 21/10/2013 và Nguyễn Lê DM, sinh ngày 27/12/2016 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N nuôi con chung không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh L khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thành L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 24/9/2017 nên Tòa án xét xử vắng mặt anh L là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị Huỳnh N và anh Nguyễn Thành L chung sống với nhau vào năm 2011, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thuận vào năm 2016 theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh L được công nhận hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng từ đầu năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh L có người phụ nữ khác, hỗn hào với cha mẹ chị N và đánh đập chị và không chí thú làm ăn, không phụ chị chăm sóc và nuôi dưỡng con cái và anh chị đã ly thân từ tháng 06/2017 cho đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai, giữa chị N và anh L không còn quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Tại phiên Tòa hôm nay anh L vắng mặt không có ý hàn gắn nên không đến dự phiên tòa để đưa ra được biện pháp để vợ chồng hàn gắn tình cảm và chị N cũng kiên quyết ly hôn, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa hai bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn với anh L là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Điều này cũng phù hợp với ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát.

[2] *Về con chung:* Quá trình chung sống chị N và anh L có 02 con chung tên Nguyễn Lê TK, sinh ngày 21/10/2013 và Nguyễn Lê DM, sinh ngày 27/12/2016. Con chung từ trước đến nay đều sống chung với chị N. Nay cả chị N và anh L đều có nguyện vọng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù chị N và anh L đều có điều kiện nuôi con nhưng hiện tại con chung đang sống chung với chị N, chị N nuôi con chung vẫn phát triển bình thường, 02 con chung là bé gái, hiện cháu My còn dưới 36 tháng tuổi nên chị N được ưu tiên nuôi cháu. Vì vậy nhằm ổn định về tinh thần của con chung anh chị nên để chị N nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị N. Điều này cũng phù hợp với ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N nuôi con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] *Về tài sản chung:* Không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] *Về nợ chung:* Không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Chị Lê Thị Huỳnh N phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Huỳnh N đối với anh Nguyễn Thành L. Chị Lê Thị Huỳnh N được ly hôn với anh Nguyễn Thành L.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Lê TK, sinh ngày 21/10/2013 và Nguyễn Lê DM, sinh ngày 27/12/2016 cho chị Lê Thị Huỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện chị Lê Thị Huỳnh N nuôi con chung không yêu cầu anh Nguyễn Thành L cấp dưỡng nuôi con.

Chị N trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Không có, nên không xét đến.

5. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị Huỳnh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005813 ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Vậy chị Lê Thị Huỳnh N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Lê Thị Huỳnh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thành L vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV-THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Phú Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lựu